TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29/5/2020
V/v *"Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thị Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đinh Thanh Hải;
2. Bà Đinh Thị Út;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiếu– Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 33/2020/TLST - HNGĐ ngày 03/3/2020 về việc kiện "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/5/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2020 giữa các đương sự :

Nguyên đơn chị Hoàng Thị T - sinh năm 1983.
Địa chỉ: Bản N, xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.
Bị đơn anh Hoàng Văn N - Sinh năm 1978.
Địa chỉ: Bản N, xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Văn N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, không làm thủ tục đăng ký kết hôn và chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 7 năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu về nhà gây sự đánh chửi vợ con, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Từ năm 2010 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn N theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị ba con chung: Cháu Hoàng Thị Tsinh ngày 20/11/2000, cháu Hoàng Thị N sinh ngày 18/02/2004, cháu Hoàng Công H sinh ngày 19/4/2006. Cháu T đã đến tuổi trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai cháu Hoàng Thị N và cháu Hoàng Công H đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn N: Sau khi Toà án thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Hoàng Văn N nhưng anh Hoàng Văn N từ chối không nhận văn bản, không có văn bản trả lời và cũng không đến toà án làm bản tự khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải về con chung, vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định, không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo. Đề nghị Tòa án áp dụng Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn N.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị N sinh ngày 18/02/2004 và cháu Hoàng Công H sinh ngày 19/4/2006 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuyên quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung cho các đương sự. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

Tại phiên toà chị Hoàng Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp của vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 – Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn anh Hoàng Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228

Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị T trên cơ sở căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh N tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Tuy việc chung sống giữa Chị T và anh N là tự nguyện nhưng cho đến nay các bên vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình và hướng dẫn của nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000. Do vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa Chị T và anh N là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Sau khi về chung sống với nhau được thời gian đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu về nhà gây sự đánh chửi vợ con, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Anh chị sống ly thân từ năm 2010 đến nay, không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn N theo quy định của pháp luật. Do vậy cần chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị T, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn N là phù hợp khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có ba người con chung: Cháu Hoàng Thị T sinh ngày 20/11/2000, cháu Hoàng Thị N sinh ngày 18/02/2004, cháu Hoàng Công H sinh ngày 19/4/2006. Hiện cháu T đã trưởng thành nên Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Hoàng Công H, tại giấy khai sinh của cháu Hiếu không ghi tên người cha, tuy nhiên, xác nhận của UBND xã K xác định: Trong quá trình Chị T và anh N chung sống, Chị T sinh được ba người con trong đó có cháu Hoàng Công H, khi đi đăng ký khai sinh cho cháu H vì anh chị không có giấy chứng nhận kết hôn nên UBND xã không điền tên người cha vào giấy khai sinh của cháu. Như vậy có cơ sở để xác định cháu Hiếu được sinh ra trong thời gian anh N và Chị T chung sống như vợ chồng. Hiện nay Chị T làm nghề tự do (may mặc) có mức thu nhập 5.000.000 đồng/tháng, còn anh N hiện nay không có nghề nghiệp gì, không có ruộng nương để canh tác. Chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các cháu Hoàng Thị N và Hoàng Công H đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy cần giao hai cháu Hoàng Thị N và Hoàng Công H cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị N sinh ngày 18/02/2004 và cháu Hoàng Công H sinh ngày 19/4/2006 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi các chảu đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Hoàng Văn N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001747 ngày 03/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- Các đương sự;
- THADS huyện Bảo Yên;
- Lưu HS; TA; VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thị Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**